

TRẦN CAO BỘI NGỌC



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**

TIẾNG ANH 5

FAMILY AND FRIENDS
(National Edition)

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN CAO BỘI NGỌC

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

TIẾNG ANH 5

FAMILY AND FRIENDS

(National Edition)

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH.....	3
1. Mục tiêu cấp tiểu học	3
2. Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học.....	3
3. Phương pháp dạy học cấp tiểu học.....	4
4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cấp tiểu học	4
5. Điều kiện tổ chức và thực hiện Chương trình tiếng Anh cấp tiểu học	5
II. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH LỚP 5	5
1. Thời lượng thực hiện Chương trình tiếng Anh lớp 5	5
2. Nội dung Chương trình tiếng Anh lớp 5	6
III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS (National Edition)	7
1. Nguyên tắc, phương pháp biên soạn sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	7
2. Cấu trúc, nội dung sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	8
3. Điểm nhấn của sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	11
4. Thời lượng dạy học sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	14
5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	21
6. Tài nguyên và hợp phần hỗ trợ sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition).....	22
PHẦN 2: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	24

PHẦN MỘT – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN TIẾNG ANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Mục tiêu cơ bản của *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh* là giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kĩ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ điểm và chủ đề phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh phổ thông nhằm giúp các em đạt được các yêu cầu quy định trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), cụ thể là học sinh kết thúc cấp tiểu học đạt Bậc 1, học sinh kết thúc cấp trung học cơ sở đạt Bậc 2, học sinh kết thúc cấp trung học phổ thông đạt Bậc 3.

1. Mục tiêu cấp tiểu học

Sau khi hoàn thành chương trình môn tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể:

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kĩ năng nghe và nói.
- Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới.
- Có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

2. Yêu cầu cần đạt cấp tiểu học

- Sau khi học xong môn tiếng Anh cấp tiểu học, học sinh có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể là: “*Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè, ... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ*”.

– Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng ngôn ngữ và nền văn hoá của dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như yêu thương, tôn trọng bản thân, bạn bè, gia đình, môi trường, chăm chỉ và trung thực.

3. Phương pháp dạy học cấp tiểu học

– Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Chương trình tiếng Anh cấp tiểu học, cũng như quy định trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai đường hướng chủ đạo này quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy – học.

4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cấp tiểu học

– Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

– Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kĩ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp tiểu học.

– Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp. Việc đánh giá cuối cấp tiểu học phải dựa vào yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể là Bậc 1.

– Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp

đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

5. Điều kiện tổ chức và thực hiện Chương trình tiếng Anh cấp tiểu học

– Để việc thực hiện Chương trình tiếng Anh cấp tiểu học đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

Giáo viên

– Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.

– Giáo viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá sách giáo khoa, tài liệu dạy học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho mỗi cấp học.

– Cần tạo điều kiện bồi dưỡng cho giáo viên về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cơ sở vật chất

– Đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu (sách học sinh, sách giáo viên, sách bài tập) cho giáo viên và học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.

– Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH LỚP 5

Với chương trình Tiếng Anh lớp 5, sau khi học xong lớp 5, học sinh sẽ đạt được bậc năng lực Bậc 1 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1. Thời lượng thực hiện Chương trình tiếng Anh lớp 5

Thời lượng giảng dạy Chương trình tiếng Anh lớp 5 tuân thủ các quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời lượng dạy học môn học, cụ thể như sau:

Số tiết: 140 tiết/ năm học (2 học kì), 4 tiết/ tuần.

2. Nội dung Chương trình tiếng Anh lớp 4

CHỦ ĐIỂM	CHỦ ĐỀ	KĨ NĂNG NGÔN NGỮ	KIẾN THỨC NGÔN NGỮ
– Em và những người bạn của em – Em và trường học của em – Em và gia đình của em – Em và thế giới quanh em	– Bản thân và bạn bè – Nơi em sinh sống – Sở thích, ước mơ – Môn học và hoạt động yêu thích ở trường – Nghề nghiệp – Kỳ nghỉ, lễ hội – Các món ăn và đồ uống – Mùa và thời tiết – Sức khỏe và các bệnh thường gặp – Phương tiện giao thông – Danh lam thắng cảnh ...	Nghe – Nghe và nhận biết trọng âm từ. – Nghe hiểu và làm theo những chỉ dẫn đơn giản. – Nghe và trả lời các câu hỏi đơn giản về các chủ đề trong Chương trình. – Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại ngắn, cấu trúc đơn giản khoảng 45 – 60 từ về các chủ đề trong Chương trình. – Nghe hiểu nội dung chính các câu chuyện ngắn rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp). Nói – Nói các câu chỉ dẫn và đề nghị; khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản trong và ngoài lớp học. – Hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, ... hoặc liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày. – Nói về một số chủ đề trong Chương trình (có sự trợ giúp).	Ngữ âm Trọng âm từ, nhịp điệu và ngữ điệu Từ vựng Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 5

		– Trả lời các câu hỏi trực tiếp trong những phỏng vấn đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về những chủ đề quen thuộc. Đọc – Đọc những đoạn văn bản ngắn, đơn giản đã được chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc như bạn bè, gia đình, nhà trường, ... – Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 60 – 80 từ về các chủ đề quen thuộc. – Đọc hiểu các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp; các chỉ dẫn ngắn, đơn giản. Viết – Viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, bạn bè, ... – Viết các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 30 – 40 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc. – Viết hoặc điền thông tin vào biểu bảng đơn giản, tin nhắn, ...	Ngữ pháp – Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng) – Thì tương lai đơn – Câu hỏi có từ để hỏi – Câu hỏi nghi vấn (Yes/ No question) (Củng cố và mở rộng) – Động từ tình thái: <i>should, could, would</i> – Tính từ chỉ tính chất đơn giản – Trạng từ chỉ cách thức hành động: <i>fast, hard, well, ...</i>; Trạng từ chỉ tần suất: <i>always, usually, often, never, ...</i> – Giới từ: <i>by, on, ...</i> ...
--	--	---	---

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS (National Edition)

1. Nguyên tắc, phương pháp biên soạn SGK TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition)

Sách giáo khoa **TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition)** được biên soạn theo quan điểm:

– Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (khung chương trình), các chương trình môn học và hoạt động giáo dục được ban hành theo Thông tư số 32/2018/ TT- BGDDT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Luật Giáo dục (sửa đổi) 2019.

– Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Dạy và học ngoại ngữ thông qua nội dung thực tế (*Content and Language Integrated Learning*)

– Dạy và học ngoại ngữ với các kĩ năng lồng ghép (*Integrated skills*)

• Tăng cường phát triển toàn diện bao gồm kĩ năng giao tiếp và hợp tác/ làm việc nhóm; phẩm chất và giá trị đạo đức; thái độ học tiếng Anh tích cực; kiến thức về văn hóa; tinh thần tự hào về văn hóa Việt Nam;

• Từng bước nâng dần “môi trường ngôn ngữ” tối ưu giúp HS hình thành sự tự tin và phát triển năng lực giao tiếp qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc và viết.

• Kết hợp các kĩ thuật dạy đọc và viết hiệu quả được sử dụng cho người bản ngữ cùng với các kĩ thuật hiệu quả trong giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ cho trẻ em.

– Dạy và học ngoại ngữ với mục tiêu rõ ràng: ứng dụng thực tế và hội nhập với khu vực và thế giới.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách được thể hiện bằng triết lý: **Nuôi dưỡng tình yêu học tiếng Anh (Nurture a love for learning English)**

2. Cấu trúc, nội dung SGK TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition)

Scope and sequence				
	Max	Holly	Amy	Leo
Words	Grammar	Phonics	Values	
Starter p. 4 <i>Let's get started!</i>	School subjects How time activities How time activities How time activities	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
1 p. 10 <i>Jim's day</i>	Daily routine Daily routine Daily routine	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
2 p. 16 <i>Places to go</i>	Places to go Places to go Places to go	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
3 p. 22 <i>Could you give me a melon, please?</i>	Food Food Food	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Fluency Time 1 p. 28	Fluency Time 1 Fluency Time 1 Fluency Time 1	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
4 p. 34 <i>Getting around</i>	Getting around Getting around Getting around	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
5 p. 40 <i>They had a long trip</i>	They had a long trip They had a long trip They had a long trip	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
6 p. 46 <i>The Ancient Mayans</i>	The Ancient Mayans The Ancient Mayans The Ancient Mayans	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Review 2 p. 48	Review 2 Review 2 Review 2	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Fluency Time 2 p. 52	Fluency Time 2 Fluency Time 2 Fluency Time 2	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
7 p. 58 <i>The dinosaur museum</i>	The dinosaur museum The dinosaur museum The dinosaur museum	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
8 p. 64 <i>Mountains high, oceans deep</i>	Mountains high, oceans deep Mountains high, oceans deep Mountains high, oceans deep	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
9 p. 70 <i>In the park</i>	In the park In the park In the park	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Review 3 p. 72	Review 3 Review 3 Review 3	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Fluency Time 3 p. 78	Fluency Time 3 Fluency Time 3 Fluency Time 3	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
10 p. 84 <i>What's the matter?</i>	What's the matter? What's the matter? What's the matter?	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
11 p. 90 <i>Will it really happen?</i>	Will it really happen? Will it really happen? Will it really happen?	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
12 p. 96 <i>Something new to watch!</i>	Something new to watch! Something new to watch! Something new to watch!	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Review 4 p. 98	Review 4 Review 4 Review 4	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Fluency Time 4 p. 104	Fluency Time 4 Fluency Time 4 Fluency Time 4	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family
Word list p. 108	Word list Word list Word list	My family My family My family	My family My family My family	My family My family My family

TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition) được thiết kế với bài mở đầu Starter và 12 đơn vị bài học chính, đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn tiếng Anh được quy định cho lớp 5. Sau ba đơn vị bài là một bài ôn tập (Review) tập trung vào rèn luyện kiến thức ngôn ngữ và phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà học sinh đã được học và một bài *Fluency Time!* giới thiệu những đoạn hội thoại đơn giản mà học sinh thường gặp trong cuộc sống hằng ngày (*Everyday English*) cũng như phần tích hợp học tiếng Anh qua các môn học khác (*CLIL*). Cuối sách có từ điển tranh (*Picture Dictionary*) và danh mục từ (*Word list*) với phần phiên âm và nghĩa tiếng Việt tương ứng.

❖ Bài mở đầu Starter với mục đích ôn tập từ vựng và ngữ pháp cơ bản mà học sinh đã học ở lớp 4.

❖ Mười hai đơn vị bài học (Unit 1 – Unit 12); Mỗi đơn vị bài học bao gồm:

Lesson One: Words

- Giới thiệu từ vựng
- Một câu chuyện thú vị được đưa vào bài học này nhằm giới thiệu ngôn ngữ mới trong những tình huống cụ thể gắn gũi với cuộc sống hằng ngày.

Lesson Two: Grammar

- Những chủ điểm ngữ pháp mà học sinh đã được làm quen trong câu chuyện.
- Các chủ điểm ngữ pháp này được quy định trong Chương trình GD phổ thông.

8 Mountains high, oceans deep

Lesson One Words

1 Listen, point, and repeat. (01:07)

2 Listen and chant. (01:08)

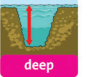

lake


mountain


waterfall


ocean


wide


deep


high


island

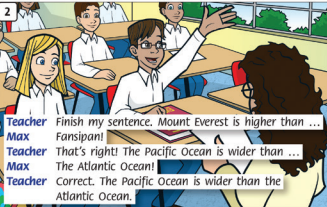
3 Listen and read. Why does Amy run fast? (01:09)

1



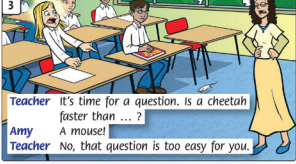
Teacher Hello, I have a quiz for you today!
Max Great!

2



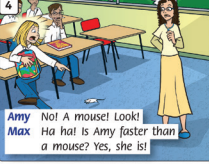
Teacher Finish my sentence. Mount Everest is higher than ...
Max Fansipan!
Teacher That's right! The Pacific Ocean is wider than ...
Max The Atlantic Ocean!
Teacher Correct. The Pacific Ocean is wider than the Atlantic Ocean.

3



Teacher It's time for a question. Is a cheetah faster than ...?
Amy A mouse!
Teacher No, that question is too easy for you.

4



Amy Not a mouse! Look!
Max Ha ha! Is Amy faster than a mouse? Yes, she is!

Unit 8

60

Lesson Two Grammar

1 Listen to the story and repeat. (01:09)

2 Listen and say. (01:09)

Let's learn!

My sandcastle is taller than your sandcastle, Nam!

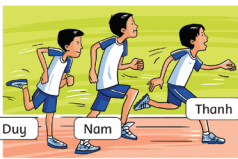
A cheetah is faster **than** a mouse.
The Pacific Ocean is wider **than** the Atlantic Ocean.
Grapes are smaller **than** melons.
Is an ocean deeper **than** a lake? Yes, it is.
Is a cheetah slower **than** a lion? No, it isn't.
Are trees taller **than** flowers? Yes, they are.
Are cats faster **than** horses? No, they aren't.

We use **-er than** to talk about a difference between two things.



3 Read and write T (true) or F (false).

- Nam is taller than Thanh. T
- Duy is faster than Nam.
- Thanh is faster than Duy.
- Nam is slower than Duy.
- Thanh is taller than Nam.
- Duy is shorter than Thanh.



4 Write.

- Australia is larger than (large) Singapore.
- Damb'ri waterfall is (high) Prens waterfall.
- Cars are (fast) bikes.
- Grapes are (small) apples.
- Ba Be Lake is (deep) Hoan Kiem Lake.
- Phu Quoc Island is (large) Con Dao Island.

Let's talk!



My dad is taller than me.

Unit 8

61

Lesson Three: Grammar and song

– Từ vựng và cấu trúc câu: thông qua những bài hát dễ thương, vui nhộn cộng với môi trường sinh động, tạo cảm hứng cho HS dễ học và dễ tiếp thu.

– Nhịp điệu và vần điệu giúp HS khắc phục sự e ngại và rụt rè khi học tiếng Anh.

Lesson Four: Phonics

– Ở lớp 5, trọng âm từ, nhịp điệu và ngữ điệu được chú trọng giúp HS khắc phục sự e ngại và rụt rè khi học tiếng Anh. HS nghe và nhận biết trọng âm từ, nhịp điệu, ngữ điệu câu hỏi Yes/ No question và Wh-question cũng như cách phát âm -s/ -es động từ cho ngôi thứ 3 số ít, -s/ -es danh từ số nhiều và -ed đối với động từ có quy tắc.

Lesson Three Grammar and song

1 Ask and answer.

Larger fruit?	Faster transportation?	Taller animal?	Smaller country?	Slower animal?
a grape	planes	giraffes	Australia	a cheetah
a melon	trains	Lions	Viet Nam	a horse

Is a melon larger than a grape? Yes, it is.

2 Write three sentences.
Planes are faster than trains. Australia ...

3 Listen and chant.

4 Chant and do.

My quiz

It's question one in my quiz.
Do you know what the answer is?
What is smaller than a mouse?
Is it a grape or is it a house?
That's right, it's a grape!
A grape is smaller than a mouse.

It's question two in my quiz.
Do you know what the answer is?
What is taller than a tower?
Is it a mountain or is it a flower?
That's right, it's a mountain.
A mountain is taller than a tower.

Lesson Four Phonics

1 Listen, point, and repeat.

larger than, longer than, smaller than, slower than, wider than, deeper than

2 Listen and chant.

It's deeper than a swimming pool.
It's wider than a plane.
It's longer than the road to school.
What is it? What's the name?

3 Read the chant again. Underline the words that sound stronger. Then say.

4 Say the sentences. Underline the words that sound stronger.

- A dinosaur is larger than an elephant.
- Planes are faster than trains.
- An ocean is wider than a river.
- The Dong Nai river is longer than the Huong river.
- A mouse is smaller than a cat.
- Bo Be lake is larger than Tri An Lake.

Let's talk!

This sword is longer than my arm.

Lesson Five and Six: Skills Time!

Luyện tập các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Một bài học (lesson) tập trung phát triển kĩ năng Đọc trong một tiết học.
- Một bài học (lesson) tập trung riêng biệt kĩ năng Nghe, Nói và Viết.

Lesson Five Skills Time!

Reading

1 Listen, point, and repeat.

world, dark, restaurant, floor, building

2 Look at the text. What can you see in the photos?

3 Listen and read.

Amazing places in the world

Here are some interesting facts about Viet Nam.

Bach Ma mountain is 1,444 meters high. But Fansipan is higher than Bach Ma. It's 3,147 meters high! It's in Lao Cai province.

No river in Viet Nam is longer than Dong Nai river. It is 546 kilometers long. Many people live and work on this river.

There are no caves longer than Son Doong cave. It's in Quang Binh province. It's nearly 9 kilometers long, so it's very dark inside.

Landmark 81 in Ho Chi Minh City is taller than Keangnam Tower in Ha Noi. This building is 461.2 meters tall. It has 81 floors and lots of restaurants.

4 Read again and answer the questions.

- Is Fansipan mountain higher than Bach Ma mountain?
- Where is Son Doong cave?
- How long is the Dong Nai river?
- Is Keangnam Tower taller than Landmark 81?

5 Which place would you like to visit and why?

Lesson Six Skills Time!

Listening

1 Copy the table. Listen and complete.

Name	What?	Fact
1. Fansipan	Mountain	2. higher than Puellang
Ba Be	3.	4.
Huong	5.	6.
Cat Ba	7.	8.

Speaking

2 Look at the table. Then ask and answer.

Is Puellang higher than Fansipan? No, it isn't.

3 Read the facts and say.

Ha Noi	Ho Chi Minh City	Hai Phong	Can Tho	Da Nang
3,360 km ²	2,095 km ²	3,527 km ²	3,440 km ²	1,285 km ²

Can Tho is larger than Da Nang, but smaller than Hai Phong.

Writing: A fact file

4 Write a fact file. Use the example to help you.

Chiang Mai

Chiang Mai is a large city in the north of Thailand. There are a lot of old temples. Wat Chedi Luang is very old, but Wat Chiang Man is older. It's over 700 years old.

❖ Sau mỗi 3 đơn vị bài học có một bài ôn tập (Review) tập trung vào rèn luyện kiến thức ngôn ngữ và phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà học sinh đã được học trong 3 đơn vị bài học này. Phần Review 2 và Review 4 là phần ôn tập cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2, được tích hợp một số dạng bài đánh giá đầu ra tiệm cận bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương khung A1 chuẩn CEFR).

Review 2

Listening

1 Listen and match.



2 Listen and write T (true) or F (false).

- She had an art lesson yesterday.
- They weren't at school last week because they were sick.
- She was very tall when she was three.
- He didn't have his fit clothes in his bag this morning.
- The plane from Thailand was late today.
- They were at home this morning because it was stormy.

Phonics

3 Say the words that end with ed. Then write them in the correct column.

used	watched	brushed	added	walked	played
cooked	lived	wanted			

Speaking

4 Talk about transportation in your country.



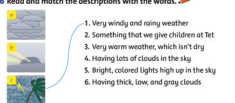
5 Look at the picture and answer the questions.



- Where did the ancient Egyptians live?
- How did they travel?
- What special buildings did they have?
- What did they use to build pyramids?

Reading

6 Read and match the descriptions with the words.



- Very windy and rainy weather
- Something that we give children at Tet
- Very warm weather, which isn't dry
- Having lots of clouds in the sky
- Bright, colored lights high up in the sky
- Having thick, low, and gray clouds

7 Read and circle the correct word.

In the past, there ^a wasn't a shopping mall in my town. There ^a was a lot of restaurants. People usually ^a eat at home. They ^a didn't live in houses, because there weren't any apartments. People often walked or they ^a didn't use bicycles. Now they use electric bikes and buses to go shopping or to go to school.

1. a. wasn't b. weren't c. a. started d. cooked
2. a. were b. was e. a. lived f. didn't live
3. a. weren't b. wasn't c. a. didn't use d. used

Writing

8 Write the words in the correct order.

- good / she / summer / had / a / Nha Trang / vacation / last / in
She had a good vacation in Nha Trang last summer.
- we / last / didn't / Saturday / I / go / raining / it / outside / because / was /
We didn't go outside because it was raining last Saturday.
- the / What / was / weather / vacation / like / I / year / their / last / on
What was the weather like on your vacation last year?
- mom / cooked / I / My / yesterday / food / delicious
My mom cooked delicious food yesterday.
- buildings / There / hometown / weren't / I / 100 / many / my / in / ago / years
There weren't many buildings in my hometown 100 years ago.
- yesterday / I / What / did / finish / you / time / school
What did you finish at school yesterday?

9 What was your town or city like 50 years ago?
Write a paragraph of 30 to 40 words.
There weren't many restaurants in my city 50 years ago. People cooked at home...



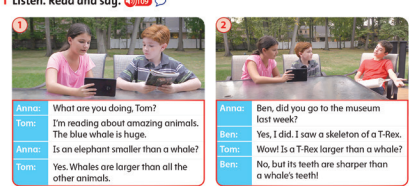
❖ Sau mỗi 3 đơn vị bài học có một bài *Fluency Time!* Đây là những bài về giao tiếp tiếng Anh hằng ngày (*Everyday English*) dựa theo các tình huống giao tiếp, và học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (*CLIL*) bao gồm các môn như Toán, Khoa học, Địa lí, v.v.

Nội dung được mở rộng song song với nội dung theo chương trình của Bộ GD–ĐT.

Fluency Time! 3

Lesson One Everyday English

1 Listen. Read and say.

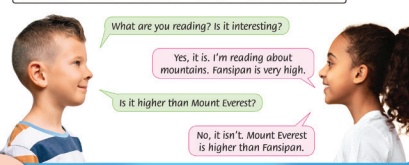


2 Listen and complete the sentences.

- Ben made a poster about dangerous animals.
- The spider is _____.
- It is _____ than a hand.
- It's _____ than a dinner plate.
- It lives in the _____.

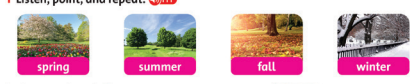
3 Ask and answer.

mountain ocean waterfall island building animal



Lesson Two CLIL: Science

1 Listen, point, and repeat.



2 Listen and read.

The Seasons

In lots of countries, there are four seasons in a year: spring, summer, fall, and winter. In spring, it gets warmer and it rains. This helps plants to grow. Summer comes after spring. It's hot. Fruit and flowers grow. Then, it's fall. It gets colder. Leaves turn red and orange and fall to the ground. Winter comes after fall. It's usually colder than the other seasons, and it snows sometimes. Lots of trees don't have leaves in winter. Then it all starts again!

3 Write three words in each space.

- There are four seasons every year in lots of countries.
- The warm spring rain helps _____.
- In summer, we can see _____.
- Fall leaves are usually _____.
- In winter, many trees _____.

4 Think! What's your favorite season? Draw and label a picture and tell your friend.

5 Look and color.

My work in Units 7–9 & Fluency Time! 3 is

OK Good Excellent

❖ Cuối sách còn có Từ điển tranh (*Picture Dictionary*) trực quan sinh động giúp học sinh dễ hình dung và ghi nhớ kiến thức. Danh mục từ (*Word list*) được xếp theo thứ tự alphabet với phiên âm quốc tế và nghĩa tiếng Việt tương ứng.

❖ Tạo cơ hội cho học sinh sử dụng tiếng Anh một cách thực tế đồng thời phát triển cả 4 kĩ năng Đọc, Viết, Nghe và Nói hiệu quả

Dạy và học ngoại ngữ thông qua nội dung thực tế (*Content and Language Integrated Learning*) thể hiện qua các hoạt động Áp dụng thực tế (*Skills Time!*) ở cuối mỗi đơn vị bài học khuyến khích học sinh sử dụng cả bốn kĩ năng vào những tình huống cụ thể. Học sinh có khả năng học và nhớ ngôn ngữ tốt hơn qua các hoạt động có ý nghĩa và thực tế.

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) chú trọng phát triển tất cả bốn kĩ năng. Mỗi đơn vị bài học có hai trang dành riêng cho việc phát triển kĩ năng đọc, nghe, nói và viết. Các bài học về từ vựng, câu chuyện nhằm giúp học sinh được tiếp cận với những phương pháp học mới và hiệu quả trên thế giới. Kĩ năng viết giúp học sinh viết đoạn văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc.

3 Listen and read. 

Amazing places in the world

Here are some interesting facts about Viet Nam!

Bach Ma mountain is 1,444 meters high. But Fansipan is higher than Bach Ma. It's 3,147 meters high! It's in Lao Cai province.



No river in Viet Nam is longer than Dong Nai river. It is 586 kilometers long. Many people live and work on this river.



Landmark 81 in Ho Chi Minh City is taller than Keangnam Tower in Ha Noi. This building is 461.2 meters tall. It has 81 floors and lots of restaurants.



There are no caves larger than Son Doong cave. It's in Quang Binh province. It's nearly 9 kilometers long, so it's very dark inside.



4 Read again and answer the questions. 

1. Is Fansipan mountain higher than Bach Ma mountain?
2. Where is Son Doong cave?
3. How long is the Dong Nai river?
4. Is Keangnam Tower taller than Landmark 81?

Listening

1 Listen and write the numbers. 

a  Children will have more free time.

b  Robots will help children to learn.

c  There will be more computers in classrooms.

d  Children will learn about life in space.

Speaking

2 Point and say.

bike bus horse electric bike

There are electric bikes now.

It's Picture d!

3 Say what your town or city was like a long time ago.

There weren't any electric bikes a long time ago.

Writing: A description of a place

4 Write about a place that you know. Use the example to help you.

Ha Noi

One hundred years ago, Ha Noi was small and the streets weren't busy. It was easy to go around on foot or by bike because there weren't any cars or motorcycles. Now, Ha Noi is very big and busy. People usually go to work by car or motorcycle. I love Ha Noi.

❖ Giúp học sinh tự khám phá quy tắc ngôn ngữ

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) trình bày ngôn ngữ mới trong ngữ cảnh để đảm bảo học sinh hiểu đầy đủ cách sử dụng và hình thức của ngôn ngữ. Từng điểm ngôn ngữ mới được thực hành trong một loạt các hoạt động khác nhau để học sinh có thể suy nghĩ và vận dụng những gì đã học.

Ví dụ: hoạt động trực quan sinh động *Listen and say* khuyến khích học sinh suy nghĩ, hiểu, thuộc và áp dụng thành công các quy tắc ngôn ngữ.

2 Listen and say. 126

Let's learn!

People **will travel** in supersonic planes.
There **won't be** any more long plane trips.
Will they **go** back to Viet Nam?
Yes, they **will**.
Will they **miss** our vacation?
No, they **won't**.

I'll = I **will**
He'll = He **will**
won't = **will not**

in the future
soon
later

We use **will** to talk about a future prediction.
We use **will** + verb.

Will planes be supersonic in the future?

Yes, they will.

❖ Ôn tập ngôn ngữ một cách xuyên suốt và có hệ thống (Review)

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) nhấn mạnh việc đánh giá quá trình: kịp thời củng cố những điểm còn vướng mắc của học sinh, đồng thời việc đánh giá cũng toàn diện và xuyên suốt hơn.

Ngôn ngữ được sử dụng lặp lại xuyên suốt bộ sách. Sau mỗi 3 đơn vị bài học có một bài Ôn tập (Review) giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học. Ngân hàng trò chơi (Games bank) ở cuối Sách hướng dẫn dành cho giáo viên (Teacher's guide) tạo cơ hội cho học sinh củng cố kiến thức cũng như đánh giá quá trình học tập của mình.

Review 4

Listening

1 Listen and check (✓) the correct answer. 145

- What's the matter with Dan?
 - Dan has a toothache and a sore throat. ☐
 - Dan has a headache and a fever. ☐
 - Dan has a toothache and a fever. ☒
- What should Rose do?
 - She should drink some juice. ☐
 - She should watch TV. ☐
 - She should drink some water and go to bed. ☐
- Why does Emma have a stomachache?
 - She ate too much candy. ☐
 - She ate too many apples. ☐
 - She drank too much soda. ☐
- What does Andy want to do?
 - He wants to go to bed. ☐
 - He wants to watch TV. ☐
 - He wants to play outside. ☐
- What's the matter with Dad?
 - He's hungry. ☐
 - He's ill. ☐
 - He's tired. ☐

Writing

8 Read the story and look at the pictures. Write one word in each gap.

My family love watching ¹ _____. My dad and I like watching sports. Tonight, there is a ² _____ match between Viet Nam and Thailand at 5 o'clock. Which team will win the game? My dad and I are so excited. My mom enjoys the show "Are you smarter than a 5th grader?" at 8 o'clock. Students from Quang Trung Primary ³ _____ are going to be in the show. They're my ⁴ _____. I want to know who will answer all the questions and win a ⁵ _____.

❖ Bộ sách duy nhất thiết kế riêng nội dung tích hợp liên môn (CLIL)

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) bám sát cấu trúc đã được thử nghiệm và kiểm tra trong phương pháp trình bày cũng như thực hành ngôn ngữ. CLIL giúp học sinh học ngôn ngữ đồng thời tiếp thu kiến thức cơ bản những môn học khác một cách tự nhiên, nhẹ nhàng giúp học sinh phát triển toàn diện.

Lesson Two CLIL: Health and nutrition

1 Listen, point, and repeat. ▶▶ 39



fruit



vegetables



grains



cheese



dairy

2 Listen and read. ▶▶ 40

Food groups

Grains

Foods made from rice or other cereal grains are grain foods. Bread, noodles, and breakfast cereals are all made from grains.

Dairy

Milk, yogurt, and cheese are dairy foods. Dairy foods help to keep your bones and teeth strong.

Meat and fish

Meat and fish are very important, too. If you don't eat meat, you need eggs and plant foods like nuts and beans.

Fruit and vegetables

Fruit and vegetables keep your body healthy and help you to keep well.



4. Thời lượng dạy học sách giáo khoa TIẾNG ANH 5 Family and Friends (National Edition)

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) được thiết kế hợp lý để giáo viên lập kế hoạch giảng dạy dễ dàng thuận tiện cho thời lượng 4 tiết/ tuần trong 35 tuần theo quy định chung.

– Mỗi bài học kĩ năng trong một Unit được thiết kế phù hợp với thời lượng một tiết dạy trên lớp đảm bảo tổng thời lượng dạy học các bài học tương ứng với tổng số lượng tiết học được phân bổ theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh lớp 5 (4 tiết/ tuần x 35 tuần = 140 tiết), và có đầy đủ các bước khởi động, trình bày và khai thác nội dung bài học, và tạo cơ hội cho học sinh cá nhân hóa từng hoạt động và áp dụng những gì đã được học.

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS (NATIONAL EDITION)
 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 140 tiết

WEEK	TOPIC	PERIOD	LESSONS	FIRST SEMESTER		LEARNING TARGETS	PAGE
1	Classroom rules	1		Make a rule board and have Ss practice			
		2		Think and make a “Rules” corner			
		3	1	To tell about school subjects			SB p.4
		4		To tell about free time activities			
2	STARTER	1	2	To talk about favorite subjects Yes/No Questions (Present Continuous)			SB p.5
		2	3	To count numbers 1 – 100 and describe the address with numbers of the houses			SB p.6
		3	4	To introduce about someone			SB p.7
		4		To tell about jobs and write about myself			
3	UNIT 1	1	1	To learn new words about daily routines			SB p.8
		2		Story			
		3	2	To use words in the context of the story			SB p.9
		4	3	To learn simple present: affirmative, negative and questions			SB p.10
4	JIM'S DAY			To practice patterns using simple present with verbs To sing a song “Her day”			
		1	4	To learn about -s, -es ending sounds with verbs of third person singular forms in Present Simple Tense.			SB p.11
		2	5 6	To learn time words			SB p.12
		3		To read about the school in Sa Pa			
5	UNIT 2	4		To listen, speak and write about daily routines			SB p.13
		1	1	To learn words about places.			SB p.14

	PLACES TO GO!	2		Story To use words in the context of the story	
		3	2	To learn simple present and adverbs of frequency To learn prepositions of time	SB p.15
		4	3	To practice patterns using adverb of frequency of simple present To sing a song "Come and play with me"	SB p.16
		1	4	To learn ending sounds: <i>-ts, -st</i>	SB p.17
		2		To learn new words about the movie theater.	
6		3	5	To read the text about the movie	SB p.18
		4	6	To listen and speak about places To write a description of the favorite movie.	SB p.19
		1		To learn words about food.	
		2	1	Story	SB p.20
7	UNIT 3			To use words in the context of the story	
		3	2	To learn using <i>could</i> to make suggestions. To learn countable/ uncountable nouns	SB p.21
	COULD YOU GIVE ME A MELON, PLEASE?	4	3	To practice patterns using the new words of food. To sing a song "At the supermarket"	SB p.22
		1	4	To learn <i>-s, -es</i> ending sounds of plural nouns	SB p.23
		2		To learn new words about the food	
8		3	5	To read the text about the favorite dish.	SB p.24
		4	6	To listen and speak about favorite foods for lunch/dinner To write about the recipe making spring rolls.	SB p.25
	Review 1	1	Listening - Reading	Review Unit 1,2,3 – The activities for listening/ reading skill	SB p.26, 27
9		2	Speaking - Writing	Review Unit 1,2,3 – The activities for speaking/ writing skill	
	Fluency Time 1	3	1	Everyday English	SB p.28
		4	2	CLIL – Health and nutrition	SB p.29
10	UNIT 4	1	1	To learn words about transportation and prepositions	SB p.30

	GETTING AROUND	2	Story To use words in the context of the story	
		3	To learn simple past with “ be ”: affirmative and negative.	SB p.31
		4	To practice patterns using affirmative and negative of simple past tense of “ be ”	SB p.32
			To sing a song “My street”	
11		1	To learn about <i>-ld</i> and <i>-lt</i> ending sounds	SB p.33
		2	To learn words about prepositions	SB p.34
		3	To read the text “Ben Thanh Market”	
		4	To listen and write the numbers	SB p.35
12	UNIT 5 THEY HAD A LONG TRIP		To practice describing pictures using present and past tense of be	
			To write a description of a place	
		1	To learn words about countries and weather	SB p.36
		2	Story To use words in the context of the story	
13		3	To learn simple past with “ be ” and “ have ”: affirmative, negative and questions.	SB p.37
		4	To practice pattern using affirmative, negative and question of simple past tense.	SB p.38
			To sing a song “Where were you on vacation?”	
		1	To learn about <i>-nd</i> , <i>-nt</i> and <i>-mp</i> ending sounds	SB p.39
14	UNIT 6 THE ANCIENT MAYANS	2	To learn words about the weather	SB p.40
		3	To read the emails	
		4	To listen and speak about the weather	SB p.41
			To write a description of a special day	
		1	To learn verbs and adjectives to describe things	SB p.42
		2	Story	
			To use words in the context of the story	SB p.43
		3	To learn simple past with verbs: affirmative, negative and questions	

15		4	3	To practice pattern using simple past with regular verbs To sing a song “My birthday party”		SB p.44	
				1	To learn about -ed ending sounds		SB p.45
				2	To learn words about Tet holiday		SB p.46
				3	To read the text “My Tet holiday”		
				4	To listen and speak about to describe something. To write a description of a vacation.		SB p.47
16	Review 2	1	Listening - Reading	Review Unit 4,5,6 – The activities for listening/ reading skill		SB p.48, 49, 50, 51	
		2	Speaking - Writing	Review Unit 4,5,6 – The activities for speaking/ writing skill			
	Fluency Time 2	3	1	Everyday English			SB p.52
17	Review	4	2	CLIL: Geography		SB p.53	
		1	Listening - Speaking	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.			
		2	Listening - Speaking	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.			
		3	Reading - Writing	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.			
		4	Reading - Writing	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.			
18	REVISION AND TERM TEST 1	1	REVISION	Reminding the key points of the lessons in units 1-6. Showing the format of term test 1.			
		2					
		3		TERM TEST 1	Students do term test 1.		
SECOND SEMESTER							
19	UNIT 7	1	1	To learn some words related to the topic “museum” . Story		SB p.54	
		2		To use words in the context of the story			
		3		2	To learn about some irregular verbs of simple past		SB p.55

20	THE DINOSAUR MUSEUM	4	3	To ask and answer by using yes/no questions in simple past. To sing a song “The school trip”	SB p.56
		1	4	To learn about rhythm and intonation of yes/no questions	SB p.57
		2	5	To learn words and read about the largest cave in the world	SB p.58
		3		To review some irregular verbs of simple past in the text	
21	UNIT 8 MOUNTAIN, HIGH, OCEANS DEEP	4	6	To listen and speak about the children’s favorite things. To write a tourist leaflet	SB p.59
		1	1	To learn words of places and words describing places	SB p.60
		2		Story To use words in the context of the story	
		3		To learn about comparative forms of some short adjectives.	SB p.61
22	UNIT 8 MOUNTAIN, HIGH, OCEANS DEEP	4	3	To practice using comparative of some short adjectives. To sing a song “My quiz”	SB p.62
		1	4	To learn about stress of adjectives in comparative forms.	SB p.63
		2	5	To learn words and read about Vietnam’s records	SB p.64
		3		To review the comparative forms.	
23	UNIT 9 IN THE PARK	4	6	To listen and speak about some famous places in Vietnam To write a fact file	SB p.65
		1	1	To learn some words related to the topic “in the park”	SB p.66
		2		Story To use words in the context of the story	
		3		To learn some adverbs of manner.	SB p.67
24	UNIT 9 IN THE PARK	4	3	To talk about what you can do in the park To sing a song “Fun at the park”	SB p.68
		1	4	To learn about word stress of adverbs	SB p.69
		2	5	To learn words of action verbs and read a story	SB p.70
		3		To review some adverbs and simple past tense	
24	UNIT 9 IN THE PARK	4	6	To listen and speak about what people can/ can’t do in the library To write a story	SB p.71

25	Review 3	1	Listening - Reading	Review Unit 7,8,9 – The activities for listening/ reading skill	SB p.72, 73	
		2	Speaking - Writing			
	Fluency Time 3	3	1	Review Unit 7,8,9 – The activities for speaking/ writing skill	SB p.74	
		4	2		Everyday English	SB p.75
26	UNIT 10 WHAT'S THE MATTER?	1	1	To learn some words related to the topic “illness”	SB p.76	
		2				Story
				To use words in the context of the story		
		3	2	To learn how to use should and shouldn't.	SB p.77	
		4	To talk about what you should/ shouldn't to take care of your health	SB p.78		
1		4	To sing a song “What’s the matter, Bobby?”	SB p.79		
2			To learn about word stress of modal verbs	SB p.80		
3		5 6	To learn words and read a text of how to stay healthy			
			To review <i>should and shouldn't</i>			
27			4		To listen and talk about what you do to be healthy, to describe how to live a healthy life	SB p.81
					To write about My healthy habits.	
28		UNIT 11 WILL IT REALLY HAPPEN?	1	1	To learn some words related to the topic “space”	SB p.82
	2			Story		
				To use words in the context of the story		
	3		2	To learn about the future tense with <i>will</i> .	SB p.83	
					To learn time markers of future	
	4		3	To talk about plans in the future	SB p.84	
				To sing a song “A trip to the moon!”		
	1		4	To learn about connected speech	SB p.85	
29			2	5	To learn words and read a text of what life will be like in the future	SB p.86
			3	6	To review the future tense with <i>will</i> .	

		4		To listen, speak about life in the future To write about an onion paragraph.	SB p.87
30	UNIT 12 SOMETHING NEW TO WATCH!	1	1	To learn some words related to the topic “Audio-visual entertainment” Story	SB p.88
		2		To use words in the context of the story	
		3	2	To learn the future with <i>be going to</i>	SB p.89
		4	3	To talk about the plans in the future To sing a song “Are you going to play with me?”	SB p.90
		1	4	To learn about intonation in questions	SB p.91
		2		To learn words and read a text of a TV guide	SB p.92
31		3	5	To review the present simple tense	
		4	6	To listen and speak about the favorite TV shows To write a description of a TV show	SB p.93
32	Review 4	1	Listening - Reading	Review Unit 10, 11, 12 – The activities for listening/ reading skill	SB p.94, 95, 96, 97
		2	Speaking - Writing	Review Unit 10, 11, 12 – The activities for speaking/ writing skill	
33	Fluency Time 4	3	1	Everyday English	SB p.98
		4	2	CLIL - Science	SB p.99
		1	1	Extensive Reading	Words/ Grammar/ Phonics in Student Book
		2	2	Extensive Writing	
		3	3	Extensive Speaking	
		4	4	Extensive Listening	
34	Review	1	Listening - Speaking	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.	
		2	Listening - Speaking	Teachers check students’ progress through further practices. Teachers assess students’ competence.	

		3	Reading - Writing	Teachers check students' progress through further practices. Teachers assess students' competence.	
		4	Reading - Writing	Teachers check students' progress through further practices. Teachers assess students' competence.	
35	REVISION AND TERM TEST 2	1	REVISION	Reminding the key points of the lessons in units 7-12 Showing the format of term test 2.	
		2			
		3	TERM TEST 2	Students do term test 2.	
		4			

5. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập sách giáo khoa Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition)

Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) cung cấp nhiều phương pháp khác nhau để giáo viên có thể kiểm tra sự tiến bộ của học sinh.

Kiểm tra các nội dung học sinh đã học

– Trong Sách học sinh, có phần Ôn tập (Review) ở cuối ba đơn vị bài học. Đây là một cơ hội để học sinh và giáo viên ôn lại những nội dung đã học, và nhận ra nội dung nào cần luyện tập thêm.

– Giáo viên có thể cho học sinh làm phần Review tại lớp (theo phân phối chương trình) hoặc ở nhà nếu thời gian hạn chế.

– Trước mỗi bài kiểm tra tổng kết, học sinh nên hoàn thành các bài ôn tập để ôn lại kiến thức của các đơn vị bài học trước đó.

Đánh giá

– Các bài ôn tập, đánh giá có sẵn trên trang website <https://phuongnamedu.vn/>, bao gồm các bài kiểm tra ở định dạng Word có thể chỉnh sửa và định dạng PDF, đáp án và file nghe.

– Tất cả các bài kiểm tra có cùng định dạng, bao gồm các phần nghe, từ vựng, ngữ pháp, đọc, viết và nói.

– Học sinh cũng có cơ hội tự đánh giá tiến bộ của bản thân với bảng nằm ở cuối phần Fluency Time!



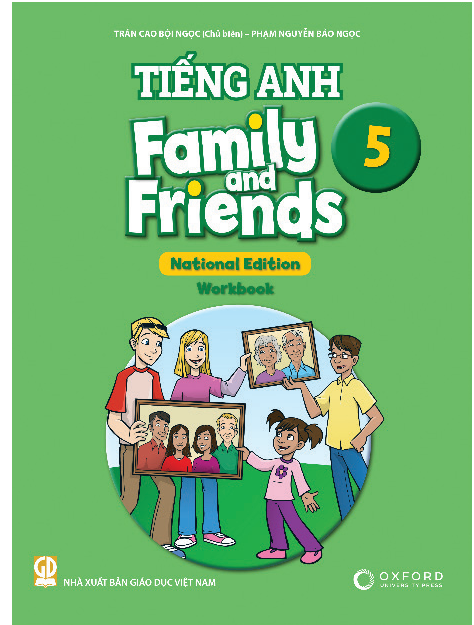
6. Tài nguyên và hợp phần hỗ trợ sách giáo khoa Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition)

• SÁCH BÀI TẬP (Workbook)

Sách được biên soạn bám sát theo nội dung sách giáo khoa *Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – Student Book* giúp học sinh luyện tập mở rộng cũng như củng cố kiến thức đã học trong Sách học sinh.

Mỗi đơn vị bài học trong Sách bài tập gồm các bài luyện tập với đa dạng các hoạt động, tập trung vào các kĩ năng nghe, đọc và viết được trình bày dưới dạng các đề thi quốc tế như:

- Nối từ hoặc hình ảnh;
- Nghe và khoanh từ đúng;
- Nhìn hình và viết;
- Nối hình với câu đúng;
- Đọc văn bản và chọn lựa câu trả lời đúng;



• Các tài nguyên liên quan đến việc dạy và học sách giáo khoa Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) được cung cấp cho giáo viên miễn phí tại trang web của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại địa chỉ: <https://phuongnamedu.vn/> gồm:

– Sách giáo viên (Teacher's Guide)

Sách giáo viên phân tích kĩ những ý tưởng được thể hiện trong Sách học sinh cũng như hướng dẫn gợi ý cụ thể theo từng đơn vị bài học nhằm tạo thuận lợi cho giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh hoàn thành bài học.

Cuối sách ngoài phần đáp án cho Sách bài tập cũng như phần lời đọc bằng, sách còn giới thiệu ngân hàng trò chơi hỗ trợ giáo viên trong quá trình đứng lớp.

- Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) –

Bài giảng điện tử (PowerPoint Lessons)

- Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) –

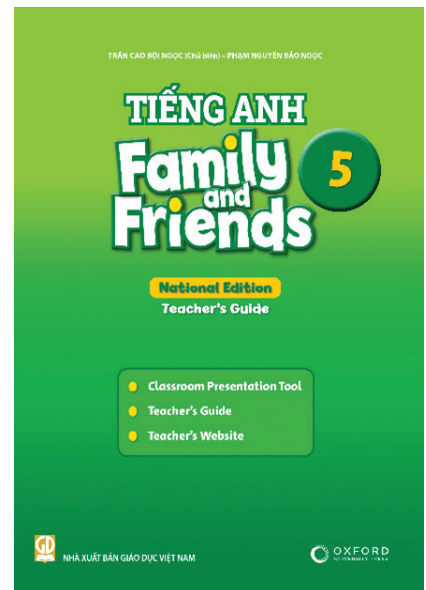
Kế hoạch bài dạy (Lesson Plans)

- Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) –

Đề kiểm tra tham khảo (Tests)

- Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Tập Nghe sách học sinh**

(Student book audio) và sách bài tập (Workbook audio)



– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Phân phối chương trình (Syllabus)**

– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Phim hoạt hình câu chuyện (Animation)**

– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Tranh từ vựng (Flashcards)**

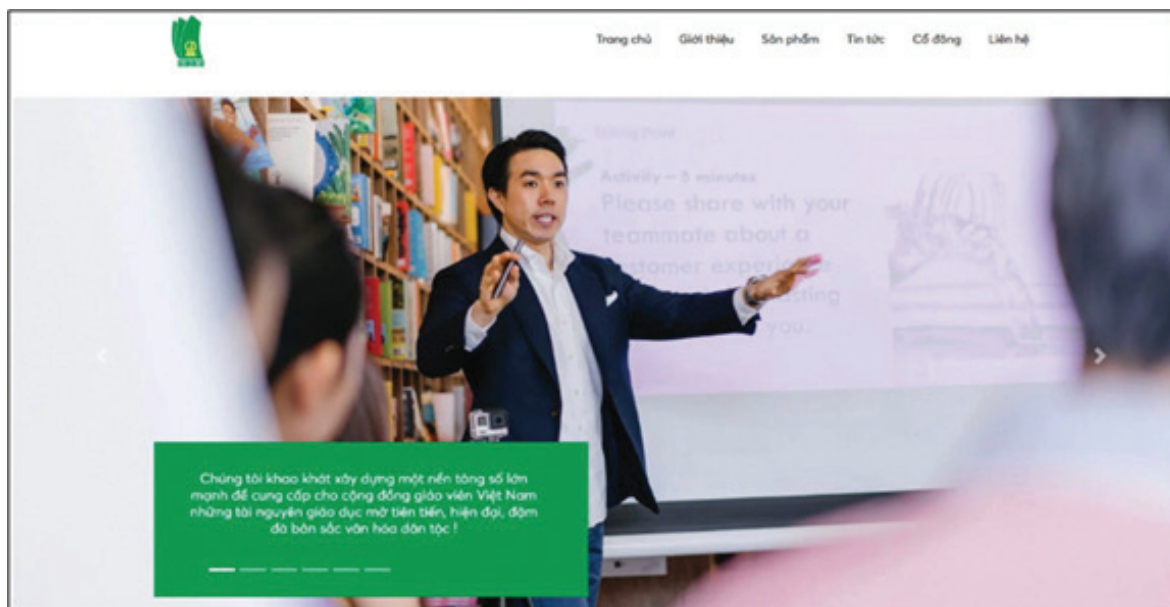
– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Tranh ngữ âm (Phonics cards)**

– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Tranh tình huống (Poster)**

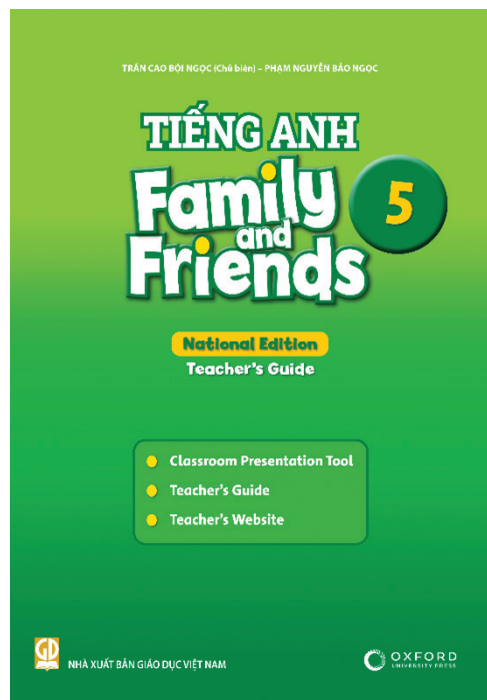
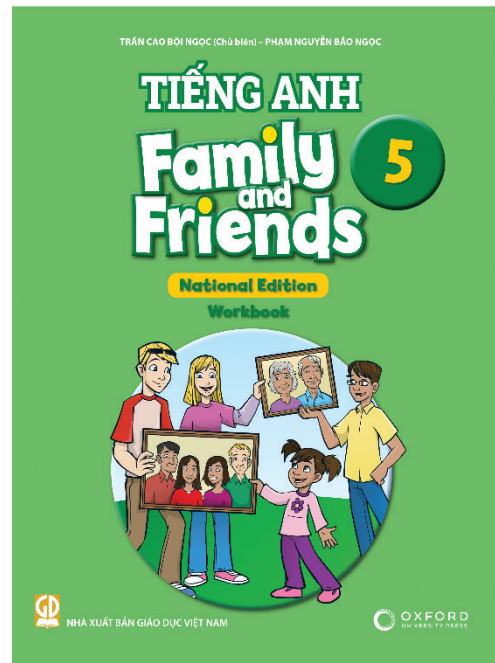
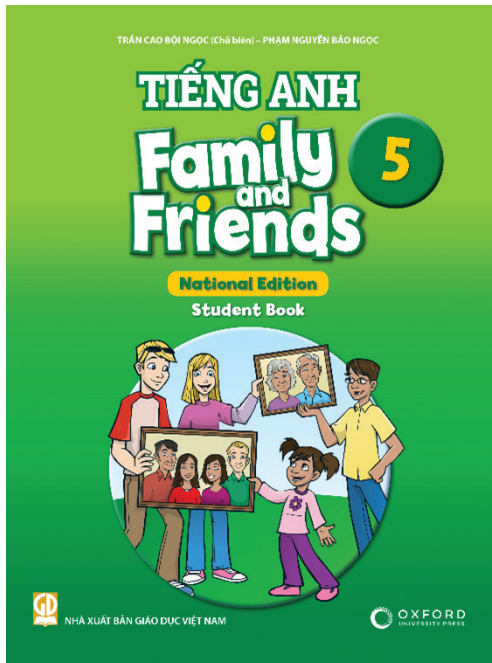
– Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition) – **Tài liệu mở rộng (Printable resources)**

– **Phiên bản kĩ thuật số của Sách học sinh và Sách bài tập:** Tích hợp tệp ghi âm, ghi hình thực tế, các bài tập tương tác có thể trình chiếu trực tiếp, các đáp án hiển thị cùng một lúc hoặc theo từng câu, các công cụ phóng to, thu nhỏ, tô sáng và ghi chú.

– **Tài liệu chuyên môn nghiệp vụ:** Bao gồm các tệp ghi hình những buổi tập huấn của Nhà xuất bản đại học Oxford, các tài liệu tập huấn được thực hiện trong quá trình triển khai sách giáo khoa *Tiếng Anh 5 Family and Friends (National Edition)*.



PHẦN HAI – GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI



8 Mountains high, oceans deep

8 Mountains high, oceans deep

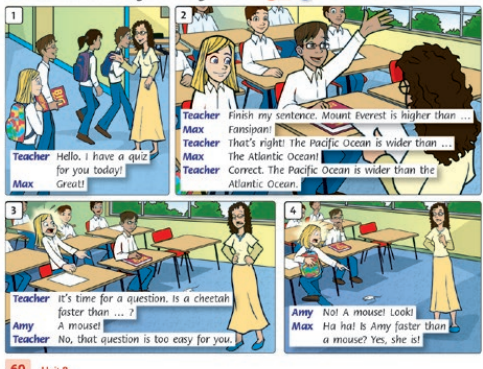
Lesson One Words

1 Listen, point, and repeat. 87

2 Listen and chant. 88



3 Listen and read. Why does Amy run fast? 89



60 Unit 8

- Giơ thẻ từ số 96–103 và nói các từ vựng trong thẻ từ.
- Lặp lại các từ vựng này để HS có thể nói được.
- Giơ thẻ từ ngẫu nhiên, đọc từ vựng liên quan để HS lặp lại.

1 Listen, point, and repeat. 87

- Yêu cầu HS mở sách giáo khoa trang 60 và quan sát các hình chỉ nơi chốn.
- Cho HS nghe phần đầu của tệp nghe, chỉ vào tranh từ chỉ nơi chốn đã nghe được.
- Cho HS nghe lại phần còn lại của tệp nghe và lặp lại từ đã nghe được.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Cho HS sử dụng thẻ từ để chơi trò chơi *I spy* (xem phần Games bank trong SGK). Giữ 'spy' ở vòng đầu. Khi HS cảm thấy tự tin hơn, hãy để HS giữ vai trò là 'spy'.
- Trình độ trung bình:** Giơ cao thẻ từ và đi vòng quanh lớp để HS nhận diện thẻ từ được để cặp là từ chỉ nơi chốn (*lake, mountain, waterfall, ocean, island*) hay từ chỉ tính chất - tính từ (*wide, deep, high*). Nếu thẻ từ là tính từ, HS sẽ thực hiện hành động:
 - wide* – giang rộng hai tay
 - high* – chỉ tay lên trần nhà
 - deep* – chỉ tay xuống nền nhà
- Trình độ khá giỏi:** Yêu cầu HS làm việc theo cặp, vẽ minh họa từ chỉ vị trí và thực hành nói về bức tranh.

2 Listen and chant. 88

- Mở tệp nghe 88 và cho HS nghe bài chant.
- Mở tệp nghe một lần nữa và cho HS nói theo các từ đã nghe. Nghe một lần nữa để HS vừa nói vừa chỉ vào đúng hình.
- Yêu cầu HS đóng sách lại và khuyến khích cả lớp đọc bài chant.
- Tiếp tục đọc bài chant với tốc độ nhanh hơn. Tiếp tục gia tăng tốc độ cho đến khi HS không thể theo kịp.

3 Listen and read. Why does Amy run fast? 89

- Tập trung sự chú ý của HS vào câu chuyện. Nói về mỗi bức tranh và đặt một số câu hỏi gợi mở: *Where are the children? Who wants to answer the teacher's question?*
- Mở video hoặc tệp nghe để HS xem hoặc nghe.
- Đặt câu hỏi để HS trả lời: *Why does Amy run fast? / She sees a mouse.* Đặt thêm những câu hỏi để kiểm tra mức độ thông hiểu câu chuyện của HS: *Why is Max happy? Does he know all the answers? How does Amy feel?* Lưu ý HS hiểu nghĩa một số từ trong câu chuyện, ví dụ như *cheetah*.
- Yêu cầu HS tìm từ chỉ vị trí ở Hoạt động 1 xuất hiện trong câu chuyện (*ocean*).

Lesson One Words SB page 60 WB page 54

Mục tiêu

Nhận diện và mô tả nơi chốn
Hiểu nội dung câu chuyện

Ngôn ngữ

Từ vựng chính: *lake, mountain, waterfall, ocean, wide, deep, high, island*

Từ vựng bổ sung: *quiz, Correct., cheetah*

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tệp nghe 81, 87–89; Thẻ từ 96–103

Giá trị đạo đức

Biết về thế giới xung quanh em

Khởi động

- Yêu cầu HS mở sách giáo khoa trang 56. Mở tệp nghe và HS cùng hát bài *The school trip* để vào bài học mới.

Lead-in

- Giới thiệu để HS biết sẽ học từ vựng liên quan đến nơi chốn.

Lesson Two Grammar

1 Listen to the story and repeat. 89

2 Listen and say. 90

Let's learn!

My sandcastle is taller than your sandcastle, Nami.

A cheetah is **faster than** a mouse.
The Pacific Ocean is **wider than** the Atlantic Ocean.
Grapes are **smaller than** melons.
Is an ocean deeper **than** a lake? Yes, it is.
Is a cheetah slower **than** a lion? No, it isn't.
Are trees taller **than** flowers? Yes, they are.
Are cats faster **than** horses? No, they aren't.

We use **-er than** to talk about a difference between two things.

3 Read and write T (true) or F (false).

1. Nam is taller than Thanh. **T**
2. Duy is faster than Nam. _____
3. Thanh is faster than Duy. _____
4. Nam is slower than Duy. _____
5. Thanh is taller than Nam. _____
6. Duy is shorter than Thanh. _____

4 Write.

1. Australia is **larger than** (large) Singapore.
2. Damb'ri waterfall is _____ (high) Prens waterfall.
3. Cars are _____ (fast) bikes.
4. Grapes are _____ (small) apples.
5. Ba Be lake is _____ (deep) Hoan Kiem lake.
6. Phu Quoc island is _____ (large) Con Dao island.

Let's talk!

My dad is taller than me.

Unit 8 61

Lesson Two Grammar SB page 61 WB page 55

Mục tiêu

Nhận diện hình thức so sánh đối với tính từ ngắn
Hiểu được những thay đổi về chính tả khi hình thành tính từ so sánh
Có thể diễn lại một câu chuyện

Ngôn ngữ

Từ vựng chính: *A cheetah is faster than a mouse. The Pacific Ocean is wider than the Atlantic Ocean. Grapes are smaller than melons. Is an ocean deeper than a lake? Yes, it is. / No, it isn't. Are trees taller than flowers? Yes, they are. / No, they aren't.*

Từ vựng bổ sung: *grapes, sandcastle*

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tập nghe 89–90; Thẻ từ 96–103

Khởi động

- Dán các thẻ ghi chú mô tả các địa điểm lên bảng và cho HS chơi trò chơi Quick flash (xem phần Games bank trong SGK).

Vào bài

- Hỏi HS chuyện gì đã xảy ra trong câu chuyện *Where are Max and Amy? What does the teacher have for them? What does Amy see? Is she happy? What does she do?*

1 Listen to the story and repeat. 89

- Mở tệp nghe, dừng lại để HS trả lời câu hỏi.
- Chia lớp thành nhóm nhỏ 3 người đóng vai giáo viên, Max và Amy. Nếu lớp không đủ để phân chia thành nhóm 3, có thể cho HS đóng hai vai hoặc hỏi HS đó có thể đóng vai con chuột trong câu chuyện được không.

- Cả lớp cùng quyết định các hành động cho câu chuyện.
- Các nhóm cùng diễn lại câu chuyện hoặc có thể yêu cầu một số nhóm diễn lại câu chuyện trước lớp.

2 Listen and say. 90

- Tập trung sự chú ý của HS vào bức tranh trong Let's learn và yêu cầu HS đọc to các câu trong phần này.
- Vẽ hai ngọn núi lên bảng, một ngọn núi lớn ở bên trái và một ngọn núi nhỏ ở bên phải. Viết *Leo* ở bên trái và *Amy* ở bên phải phía trên những ngọn núi.
- Đặt câu hỏi *Is Leo's mountain bigger than Amy's mountain?* (yes) *Is Amy's mountain smaller than Leo's mountain?* (yes). Yêu cầu HS chỉ ngọn núi lớn hơn rồi đến ngọn núi nhỏ hơn.
- Cho HS nghe các câu trong Let's learn, dừng lại sau mỗi câu để HS lặp lại.

3 Read and write T (true) or F (false).

- Cho cả lớp nhìn vào câu ví dụ.
- Cho HS tự làm phần còn lại của bài tập.

ĐÁP ÁN

1 T 2 F 3 T 4 F 5 F 6 T

4 Write.

- Cho cả lớp nhìn vào câu ví dụ.
- Cho HS tự làm phần còn lại của bài tập. Lưu ý HS thêm từ *than* khi làm bài tập.
- Cùng cả lớp kiểm tra đáp án.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Cho HS nhìn vào phần Let's learn một lần nữa. Đặt câu hỏi *How many animals are there in the first sentence? (two)*. Nhắc HS rằng *-er* được dùng để so sánh hai đồ vật hoặc hai người. Cùng nhau xem ví dụ ở Bài tập 4. Hỏi HS cần dùng từ nào khác để so sánh hai vật / người (*than*). Sau đó HS sẽ tự mình hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ trung bình:** HS tự hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ khá giỏi:** Sau khi HS làm xong hoạt động này, phân HS thành nhóm ba. Yêu cầu các em đặt câu về chiều cao của mình như trong Bài tập 3.

ĐÁP ÁN

1 larger than 2 higher than 3 faster than
4 smaller than 5 deeper than 6 larger than

Let's talk!

- Yêu cầu HS nhìn vào bức tranh và bong bóng lời thoại.
- Mời một HS đặt câu trước lớp.
- Cho HS làm việc theo nhóm đôi, sử dụng những tính từ khác nhau đã học thay phiên nhau nói về câu với hình thức so sánh.

Lesson Three Grammar and song

1 Ask and answer.

Larger fruit?	Faster transportation?	Taller animal?	Smaller country?	Slower animal?
a grape a melon	planes trains	giraffes lions	Australia Viet Nam	a cheetah a horse

Is a melon larger than a grape? Yes, it is.

2 Write three sentences.
Planes are faster than trains. Australia ...

3 Listen and chant.

4 Chant and do.

My quiz

It's question one in my quiz.
Do you know what the answer is?
What is smaller than a mouse?
Is it a grape or is it a house?

That's right. It's a grape!
A grape is smaller than a mouse.

It's question two in my quiz.
Do you know what the answer is?
What is taller than a tower?
Is it a mountain or is it a flower?

That's right. It's a mountain.
A mountain is taller than a tower.

62 Unit 8

Lesson Three Grammar and song

SB page 62 WB page 56

Mục tiêu

Hỏi và trả lời các câu hỏi sử dụng tính từ ngắn ở dạng so sánh

Viết câu có tính từ so sánh hơn

Biết sử dụng tính từ và địa điểm so sánh trong bối cảnh của một bài chant

Nguồn ngữ

Từ vựng chính: larger / faster / taller / smaller / slower (than)

Từ vựng bổ sung: country, quiz, answer (n)

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tập nghe 91

Khởi động

- Chơi trò chơi *Freeze* (xem phần Games bank trong SGK) để tạo không khí thoải mái cho lớp khi bắt đầu bài học.
- Yêu cầu HS đứng tại vị trí bàn học. Đưa ra một loạt hướng dẫn cho các động từ, ví dụ: *swim, waterski, jump*. HS bắt chước các hành động này.

Vào bài

- Viết các từ *large, fast, tall, small, và slow* ở một cột trên bảng.
- Viết *larger* ở cột đối diện với từ *large*, và yêu cầu HS hoàn thành những từ còn lại.

1 Ask and answer.

- Viết từ *elephants* và *cheetahs* lên bảng. Đặt câu hỏi *Are elephants larger than cheetahs? Are they faster than cheetahs?* Rút ra câu trả lời.
- Nói với HS rằng HS sẽ hỏi và trả lời thêm một số câu đố nữa.
- Mời hai HS đọc phần lời thoại cho cả lớp và yêu cầu cả lớp tìm thông tin trong bảng.
- Cho HS làm việc theo cặp và đặt các câu hỏi liên quan đến thông tin trong bảng.

2 Write three sentences.

- Đọc ví dụ cho HS và kiểm tra xem các em có hiểu cách sử dụng bảng thông tin từ Bài tập 1 hay không.
- Yêu cầu HS viết thêm ba câu nữa bằng cách sử dụng thông tin trong bảng và cho ví dụ để HS nắm rõ cách làm.
- Yêu cầu một số HS đọc to câu của mình.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Viết các câu xáo trộn lên bảng, ví dụ: *grapes / larger / are / melons / than*. Yêu cầu HS giúp sắp xếp câu theo thứ tự. Cùng nhau nói các câu. Sau đó HS tự mình hoàn thành hoạt động.
- Trình độ trung bình:** HS tự hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ khá giỏi:** Sau khi trẻ làm xong, hãy cho trẻ một vài gợi ý để viết câu theo ý riêng của mình. Ví dụ như *taller person in your family; smaller toy in your bedroom; faster person, v.v.*

3 Listen and chant. 91

- Chỉ vào các hình ảnh trong bài hát và hỏi *What are the children doing? (They're playing a quiz game.) Is he thinking? Does he know the answer?*
- Mở tệp nghe cho HS nghe và làm theo lời.
- Cùng cả lớp đọc thuộc lòng các lời của bài chant mà không cần ghi âm. Nói từng dòng và yêu cầu HS lặp lại.
- Mở tệp nghe cho trẻ hát theo.

4 Chant and do.

- Cả lớp cùng nhau quyết định các hành động cho bài hát.
- Thực hành các hành động với cả lớp.
- Mở tệp nghe cho HS nghe và thực hiện các động tác.

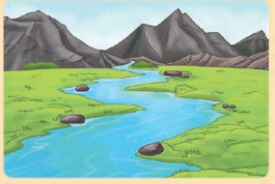
Lesson Four Phonics

1 Listen, point, and repeat. 92

larger than longer than
smaller than slower than
wider than deeper than

2 Listen and chant. 93

It's deeper than a swimming pool.
It's wider than a plane.
It's longer than the road to school.
What is it? What's the name?



3 Read the chant again. Underline the words that sound stronger. Then say.

4 Say the sentences. Underline the words that sound stronger.

1. A dinosaur is larger than an elephant.
2. Planes are faster than trains.
3. An ocean is wider than a river.
4. The Dong Nai river is longer than the Huong river.
5. A mouse is smaller than a cat.
6. Ba Be lake is larger than Tri An lake.

Let's talk!



Unit 8 63

Lesson Four Phonics SB page 63 WB page 57

Mục tiêu

Xác định trọng âm câu với tính từ so sánh hơn
Luyện tập trọng âm câu đối với cấu trúc so sánh hơn trong bài chant

Ngôn ngữ

Từ vựng chính: *larger than, smaller than, wider than, longer than, slower than, deeper than*

Từ vựng bổ sung: *swimming pool, river, scarf*

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tập nghe 83, 92–93

Khởi động

- Phát đoạn ghi âm và đọc bài chant trong sách học sinh trang 57 để xem lại các dạng nhấn âm trong các câu hỏi và câu trả lời ngắn với trợ động từ *did*.

Vào bài

- Viết lên bảng các từ *large, long, small, wide, slow, và deep*. Nêu ra dạng so sánh hơn của các tính từ trong lớp. Viết thêm các từ này lên bảng.
- Đọc to các tính từ và để HS chú ý đến các âm tiết được nhấn mạnh. Gạch dưới các từ này trên bảng.
- Chia lớp thành hai nhóm: một nhóm dành cho tính từ dạng cơ bản và một nhóm dành cho tính từ so sánh hơn. Yêu cầu HS đứng lên và nói các từ khi bạn chỉ vào bảng.

1 Listen, point, and repeat. 92

- Yêu cầu HS nhìn vào các từ trong sách học sinh trang 63. Hướng sự chú ý của HS vào các âm tiết được nhấn mạnh có màu trắng.
- Cho HS nghe phần đầu của tệp nghe và chỉ vào tính từ mà HS nghe được.
- Bật phần thứ hai của tệp nghe để HS lặp lại các từ.

2 Listen and chant. 93

- Yêu cầu HS nhìn vào bức tranh và cho bạn biết HS có thể nhìn thấy gì.
- Mở bài chant cho HS nghe và theo dõi các câu trong sách. Dừng tệp nghe sau mỗi dòng cho HS lặp lại.
- Mở bài chant một lần nữa cho HS cùng tham gia.

3 Read the chant again. Underline the words that sound stronger. Then say.

- Đọc bài tập và chỉ ra ví dụ ở dòng đầu tiên của bài hát.
- Yêu cầu HS nghe và gạch chân những từ được nhấn mạnh hơn trong bài hát.
- Cùng cả lớp xem lại câu trả lời. Bạn có thể hát lại bài hát cho HS kiểm tra.
- HS tập hát theo cá nhân và theo cặp.

ĐÁP ÁN

deeper, swimming pool, wider, plane, longer, road, school

4 Say the sentences. Underline the words that sound stronger.

- Yêu cầu HS nhìn vào câu đầu tiên và tự đọc, lưu ý nhấn mạnh những từ được gạch chân.
- HS tự làm phần còn lại của bài tập.
- Cùng cả lớp ôn lại câu trả lời, yêu cầu HS đọc to các câu cho cả lớp nghe.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Đọc to các câu một lần cho HS nghe trước khi làm bài. Sau đó HS hoàn thành hoạt động một cách độc lập.
- Trình độ trung bình:** HS tự hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ khá giỏi:** Sau khi HS làm xong hoạt động này, yêu cầu HS thực hành đọc một văn bản dài hơn, chú ý đến những từ được nhấn. HS có thể nhìn lại sách của mình để tìm văn bản thích hợp, ví dụ: văn bản trang 58.

ĐÁP ÁN

- 1 dinosaur, larger, elephant
- 2 planes, faster, trains
- 3 ocean, wider, river
- 4 Dong Nai river, longer, Huong river
- 5 mouse, smaller, cat
- 6 Ba Be lake, larger, Tri An lake

Let's talk!

- Yêu cầu HS nhìn vào bức tranh và câu thoại.
- Cho HS đọc câu thoại.
- HS làm việc theo cặp và lần lượt nói câu. Yêu cầu HS dùng những từ khác thay vì *scarf, longer, arm*.

Lesson Five

Skills Time!

Reading

1 Listen, point, and repeat. 94

world dark restaurant floor building

2 Look at the text. What can you see in the photos?

3 Listen and read. 95

Amazing places in the world

Here are some interesting facts about Viet Nam!

Bach Ma mountain is 1,444 meters high. But Fansipan is higher than Bach Ma. It's 3,147 meters high! It's in Lao Cai province.

No river in Viet Nam is longer than Dong Nai river. It is 586 kilometers long. Many people live and work on this river.

Landmark 81 in Ho Chi Minh City is taller than Keangnam Tower in Hanoi. This building is 461.2 meters tall. It has 81 floors and lots of restaurants.

There are no caves larger than Son Doong cave. It's in Quang Binh province. It's nearly 9 kilometers long, so it's very dark inside.

4 Read again and answer the questions.

1. Is Fansipan mountain higher than Bach Ma mountain?
2. Where is Son Doong cave?
3. How long is the Dong Nai river?
4. Is Keangnam Tower taller than Landmark 81?

5 Which place would you like to visit and why?

64 Unit 8

Lesson Five Skills Time! SB page 64 WB page 58

Mục tiêu

Kĩ năng đọc: đọc hiểu một trang web về những địa điểm tuyệt vời trên thế giới; đọc để biết thông tin cụ thể.

Ngôn ngữ

Ôn: từ vựng và cấu trúc đã học

Từ vựng chính: world, dark, restaurant, floor, building

Từ vựng bổ sung: fact, meter, kilometer

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tập nghe 91, 94–95; Thẻ từ 104–108

Khởi động

- Cả lớp hát bài My quiz trong sách học sinh trang 62 để ôn lại hình thức so sánh và tạo không khí thoải mái cho lớp khi bắt đầu bài học.

Vào bài

- Nói với HS rằng các em sắp tìm hiểu về một số địa điểm thú vị trên thế giới.
- Sử dụng thẻ từ mô tả địa điểm 104–108 để gọi nghĩa của các từ vựng. Làm mẫu bất kỳ từ nào HS không biết.
- Nói lại tất cả các từ vựng này để HS lặp lại.
- Giơ các thẻ từ một cách ngẫu nhiên và lặp lại các từ này.

1 Listen, point, and repeat. 94

- Yêu cầu HS mở sách học sinh trang 64 và xem tranh ở Bài tập 1.
- Cho HS nghe phần đầu của tập nghe và chỉ vào tranh phù hợp.

- Bật phần hai của tập nghe để HS nghe và lặp lại.

2 Look at the text. What can you see in the photos?

- Yêu cầu HS nhìn tranh và tựa đề bài đọc. Đặt câu hỏi *What is the text about? (interesting places, facts).*
- Đặt câu hỏi *What can you see in the pictures? (a mountain, a cave, a river, a building).*

3 Listen and read. 95

- Mở tập nghe cho trẻ nghe và theo dõi bài đọc trong sách học sinh. HS chỉ nghe và không đọc theo.
- Yêu cầu HS tìm từ mới ở Bài tập 1 trong bài đọc.
- Đặt câu hỏi để kiểm tra mức độ đọc hiểu của HS. Ví dụ: *Where is Bach Ma mountain? How high is it? How long is Son Doong cave? Where is Keangnam Tower?*

4 Read again and answer the questions.

- Đọc to câu hỏi một lần và yêu cầu HS suy nghĩ về câu trả lời.
- Dành thời gian cho HS đọc lại văn bản và tìm câu trả lời. HS viết câu trả lời vào vở.
- Kiểm tra đáp án với cả lớp.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Trả lời câu hỏi đầu tiên với cả lớp. Yêu cầu HS làm việc theo cặp và viết câu đầy đủ để trả lời các câu hỏi còn lại.
- Trình độ trung bình:** HS tự hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ khá giỏi:** Sau khi trẻ hoàn thành hoạt động này, yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ nghĩ về một số sự kiện về nơi HS đang sống. Viết một số ý tưởng lên bảng, ví dụ: *larger park, nicer store, louder playground*, v.v. Khuyến khích HS sử dụng trí tưởng tượng của mình. Sau năm phút, yêu cầu các nhóm chia sẻ một số ý tưởng với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- Yes, it is.
- It's in Quang Binh province.
- It's 586 kilometers long.
- No, it isn't.

5 Which place would you like to visit and why?

- Hỏi một vài HS trong lớp xem có HS nào đã đến những nơi này chưa. Nếu có, yêu cầu HS này nói với cả lớp về điều đó.
- HS làm việc theo cặp để thảo luận về câu hỏi này.
- Cho HS chia sẻ những gì đã trao đổi với bạn cùng nhóm trước lớp.

Skills Time! Lesson Six

Listening

1 Copy the table. Listen and complete.

Name	What?	Fact
Fansipan	1 Mountain	2 higher than Pusilung
Ba Be	3	4
Huong	5	6
Cat Ba	7	8

Speaking

2 Look at the table. Then ask and answer.

Is Pusilung higher than Fansipan?

No, it isn't.

3 Read the facts and say.

Ha Noi	Ho Chi Minh City	Hai Phong	Can Tho	Da Nang
3,360 km ²	2,095 km ²	1,527 km ²	1,440 km ²	1,285 km ²

Can Tho is larger than Da Nang.
But smaller than Hai Phong.

Source: The Statistical Yearbook of Viet Nam 2022

Writing: A fact file

4 Write a fact file. Use the example to help you.

Chiang Mai

Chiang Mai is a large city in the north of Thailand. There are a lot of old temples. Wat Chedi Luang is very old, but Wat Chiang Man is older. It's over 700 years old.

Unit 8 65

Lesson Six Skills Time! SB page 65 WB page 59

Mục tiêu

Kĩ năng nghe: nghe các từ cụ thể và nối chúng với thông tin trong bảng

Kĩ năng nói: hỏi và trả lời về các địa danh

Kĩ năng viết: viết về một thông tin có thật

Ngôn ngữ

Ôn: từ vựng và cấu trúc đã học

Tài nguyên và dụng cụ hỗ trợ dạy học

Tập nghe 96; Thẻ từ 96–103

Khởi động

- Chơi trò chơi *What's missing?* (xem phần Games bank trong SGK), sử dụng thẻ từ 96–103 để ôn lại từ vựng đã học.

Vào bài

- Viết lên bảng các từ *country, lake, river, and mountain*.
- Viết lên bảng một cách ngẫu nhiên tên hai quốc gia, hai hồ, hai con sông và hai ngọn núi. Lưu ý các địa danh mà HS có thể biết.
- Chỉ vào các từ và yêu cầu HS cho biết đó là quốc gia, hồ, sông hay núi.
- Đặt một vài câu hỏi cho HS trả lời. Ví dụ: *Is it a high mountain? Is it longer than ...?*

1 Copy the table. Listen and complete. 96

- Nói với HS rằng các em sẽ nghe thông tin liên quan đến một số địa danh trong nước.
- Cả lớp cùng nhìn vào bảng thông tin. Yêu cầu HS chép bảng thông tin vào vở sau đó nghe tệp âm thanh và hoàn thành những thông tin còn thiếu trong bảng.
- Phát tệp nghe, tạm dừng sau mỗi dữ kiện để HS hoàn thành bảng.

ĐÁP ÁN

- 1 Fansipan 2 higher than Pusilung
3 lake 4 larger than Lak lake 5 river
6 shorter than Dong Nai river 7 island
8 smaller than Phu Quoc

2 Look at the table. Then ask and answer.

- Mời hai HS đọc các đoạn hội thoại cho cả lớp và kiểm tra xem HS có hiểu bài tập không.
- Yêu cầu HS làm việc theo cặp và thực hành nói. Mỗi HS nên hỏi về hai nơi.

3 Read the facts and say.

- Mời một HS đọc lời thoại cho cả lớp và kiểm tra xem cả lớp có hiểu km² nghĩa là gì không. (diện tích của một thành phố)
- Cho HS làm việc theo cặp và làm bài tập. Mỗi nhóm nên so sánh ba thành phố.

4 Write a fact file. Use the example to help you.

- Tập trung sự chú ý của HS vào bài viết mẫu. Yêu cầu HS đọc và cho biết các em thấy điều gì thú vị nhất trong bài viết mẫu này
- Yêu cầu HS suy nghĩ về một địa danh ở Việt Nam. Khuyến khích HS chọn thị trấn hoặc thành phố mà các em biết.
- Cho HS làm việc theo cặp nói về địa danh mà HS đã chọn. Khuyến khích HS nói về những thông tin về địa danh mà các em biết. HS có thể ghi chú. GV có thể giúp cung cấp từ vựng mà HS chưa biết.
- Cho HS thời gian cụ thể để làm bài viết.
- Khi HS hoàn thành bài viết, yêu cầu HS trao đổi bài viết của mình với bạn trong nhóm để kiểm tra bài cho nhau.

Hướng dẫn giảng dạy theo trình độ HS

- Trình độ thấp:** Cung cấp danh sách các thị trấn và thành phố mà HS có thể viết lên bảng. Cả lớp cùng thảo luận xem HS biết gì về từng địa điểm và viết thông tin lên bảng. HS có thể dựa vào thông tin này chọn một trong các thị trấn, thành phố để viết.
- Trình độ trung bình:** HS tự hoàn thành hoạt động này.
- Trình độ khá giỏi:** Sau khi HS làm xong, yêu cầu HS trao đổi bài viết của mình với bạn cùng nhóm. Sau đó thảo luận về địa danh nào HS muốn đến thăm nhất trong số hai nơi và nêu lý do tại sao.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập VŨ TRUNG CHÍNH

Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: HUỖNH LÊ ÁI NHI – HUỖNH THỊ XUÂN PHƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ ĐIỀN AN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: HUỖNH LÊ ÁI NHI – HUỖNH THỊ XUÂN PHƯƠNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– phuongnamedu.vn

– sachso.edu.vn

– taphuan.nxbgd.vn

– hanhtrangso.nxbgd.vn

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG
SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 5 FAMILY AND FRIENDS (National Edition) –
(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN:.....



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**

TIẾNG ANH 5

FAMILY AND FRIENDS

(National Edition)



Sách không bán